

BÁO CÁO

**Tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị
đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện,
trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với phát
triển nhân lực và khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2026;

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với phát triển nhân lực và khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan đối với dự thảo Nghị quyết (*Công văn số 1619/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 08/5/2026 về việc đề nghị góp ý và đăng tải dự thảo 02 Nghị quyết của HĐND quy định chính sách hỗ trợ liên quan công nghiệp công nghệ số*).

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị về dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Tình hình tham gia góp ý của các cơ quan

- Số cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến: **35** đơn vị (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai; các Sở, ban, ngành; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thuế tỉnh Gia Lai; Viettel Gia Lai; Viễn thông Gia Lai; MobiFone Gia Lai; FPT Gia Lai; Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Tường Minh Bình Định; Công ty TNHH Phần mềm FPT Quy Nhơn; Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn; và Trường Đại học Quy Nhơn);

- Số đơn vị có văn bản góp ý dự thảo Nghị quyết: **13** cơ quan, đơn vị; trong đó: **10** cơ quan, đơn vị có ý kiến thống nhất với dự thảo (Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Ngoại vụ, Sở Công Thương, Sở Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Thuế tỉnh, Vườn

Quốc gia Kon Ka Kinh) và có **03** cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý, với tổng cộng có **39** ý kiến góp ý tham gia.

2. Nội dung góp ý, tiếp thu và giải trình

Trên cơ sở **39** ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết. Nội dung tiếp thu, giải trình cụ thể được thể hiện tại **Phụ lục** kèm theo Báo cáo này.

Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo: dự thảo Nghị quyết, văn bản góp ý của các cơ quan đơn vị)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Thành viên Tổ soạn thảo;
- Lưu: VT, CĐS&BCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Hồ Hoài Nam

PHỤ LỤC

Tổng hợp ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, địa phương đối với dự thảo

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với phát triển nhân lực và khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày / /2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên cơ quan; văn bản tham gia góp ý	Số lượng ý kiến	Nội dung tham gia góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1.	Sở Tư pháp (Công văn số 1600/STP-NV1 ngày 13/5/2026)	18	1. Đối với dự thảo văn bản a) Tại tên gọi dự thảo văn bản, cần nhắc chỉnh sửa “ <i>phát triển nhân lực, khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số</i> ” thành “ <i>phát triển nhân lực, dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số</i> ” cho phù hợp theo quy định tại Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số, đồng thời chỉnh sửa các nội dung có liên quan tại dự thảo cho thống nhất.	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh
			b) Tại phần căn cứ ban hành văn bản - Đề nghị bỏ “ <i>Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP</i> ” vì không cần thiết. - Tại dòng “ <i>Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định...</i> ” chỉnh sửa thành “ <i>Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định...</i> ” cho chính xác.	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh
			c) Tại Điều 1 - Tại đoạn mở đầu của Điều: + Chỉnh sửa “ <i>Quy định này cụ thể hóa các tiêu chí...</i> ” thành “ <i>Nghị quyết này quy định về tiêu chí...</i> ”	- Đã chỉnh sửa “ <i>Quy định này cụ thể hóa các tiêu chí...</i> ” thành “ <i>Nghị quyết này quy định về tiêu chí...</i> ”

		+ Nội dung tại đoạn này nêu “<i>hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương tỉnh Gia Lai</i>”, tuy nhiên, tại phần tên gọi của dự thảo văn bản nêu: “<i>hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>” Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 18, khoản 3 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số: “Điều 18. Phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí <u>ngân sách địa phương</u>, quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này. Điều 29. Hỗ trợ, ưu đãi dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số ... 3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ <u>ngân sách địa phương</u> cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này phù hợp với điều kiện của địa phương.” Tại Điều 6 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “Điều 6. Hệ thống ngân sách nhà nước 1. Ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. 2. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.” Từ những nội dung nêu trên, đề nghị Quý Sở cân nhắc việc sử dụng từ ngữ “<i>ngân sách địa phương</i>”, “<i>ngân sách tỉnh</i>” tại dự thảo văn bản cho thống nhất, phù hợp theo quy định. - Tại khoản 1 Điều 1 chỉnh sửa “<i>theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số</i>” thành “<i>theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15</i>”, tại khoản 2 Điều 1 chỉnh sửa “<i>theo quy định tại</i>	- Đã chỉnh sửa “<i>theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số</i>” thành “<i>theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15</i>”, tại khoản 2 Điều 1 chỉnh sửa “<i>theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số</i>” thành “<i>theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật số 71/2025/QH15</i>”. - Theo Điều 6 Luật Ngân sách nhà nước quy định “<i>Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã</i>”. Nguồn kinh phí để hỗ trợ theo Nghị quyết này là nguồn kinh phí cấp tỉnh. Vì vậy, thống nhất chỉnh sửa ngân sách địa phương thành ngân sách tỉnh trong toàn bộ dự thảo.
--	--	--	--

			<i>khoản 2 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số” thành “theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật số 71/2025/QH15”.</i>	
		d) Tại Điều 3 - Ở khoản 1 nêu: “<i>Trường hợp một dự án, doanh nghiệp có nội dung hỗ trợ đáp ứng điều kiện của nhiều chính sách khác nhau do trung ương hoặc tỉnh Gia Lai ban hành thì chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất và có lợi nhất.</i>”, tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy nội dung quy định này chưa đảm bảo tính rõ ràng, cụ thể: + Cụm từ “<i>một dự án, doanh nghiệp có nội dung hỗ trợ đáp ứng điều kiện</i>” nêu chưa rõ về đối tượng là dự án hay doanh nghiệp? + Nội dung “<i>nội dung hỗ trợ đáp ứng điều kiện của nhiều chính sách khác nhau</i>”, cần nhắc chỉnh sửa thành “<i>đáp ứng điều kiện được hỗ trợ của nhiều chính sách khác nhau</i>” cho rõ ràng. + Nội dung “<i>do trung ương hoặc tỉnh Gia Lai ban hành</i>”, cần nhắc việc quy định về chính sách do trung ương <u>hoặc</u> địa phương ban hành hay chính sách do trung ương <u>và</u> địa phương ban hành cho rõ ràng, chính xác. + Nội dung “<i>chính sách có mức hỗ trợ cao nhất và có lợi nhất</i>”, việc quy định đồng thời hai tiêu chí “<i>cao nhất và có lợi nhất</i>” dễ gây ra khó khăn cho việc áp dụng, vì có thể xảy ra trường hợp mức hỗ trợ thấp hơn nhưng điều kiện giải ngân thuận lợi hơn thì mức hỗ trợ cao nhất có được xem là có lợi nhất hay không? Do đó, Quý Sở cần nhắc chỉnh sửa hoặc thuyết minh, giải trình để đảm bảo tính rõ ràng. - Ở khoản 3 nêu: “<i>mức trần tối đa quy định tại Nghị quyết này</i>”, tuy nhiên qua nghiên cứu nội dung tại dự thảo chỉ quy định mức hỗ trợ, đồng thời không quy định về mức trần tối đa. Do đó, đề nghị cân nhắc việc sử dụng từ ngữ cho chính xác, thống nhất.	- Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh. - Đối với nội dung “<i>mức trần tối đa quy định tại Nghị quyết này</i>”, Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất giữ nguyên, vì tại dự thảo có quy định mức trần, cụ thể: Điều 7 và Điều 8 (không quá, tối đa);	

			- Ở khoản 4, bỏ cụm từ “ <i>Gia Lai</i> ” cho ngắn gọn.	
			đ) Tại Điều 4 - Chính sửa bố cục nội dung tại Điều này thành các khoản cho rõ ràng, thống nhất cách trình bày. - Tại tên Điều này nêu “ <i>tiêu chí chung</i> ”, tại đoạn mở đầu nêu “ <i>tiêu chí nền tảng</i> ”, đề nghị chỉnh sửa việc sử dụng từ ngữ cho thống nhất.	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh
			e) Tại khoản 1 Điều 5 - Ở khoản này nêu “ <i>Đối với thuê nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ số:</i> ”, tuy nhiên tại điểm a khoản 3 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: “ <i>a) Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao;</i> ”, theo đó, Quý Sở cân nhắc chỉnh sửa cho phù hợp theo quy định. - Cân nhắc việc sử dụng từ ngữ “ <i>nhân sự được thuê</i> ” cho phù hợp theo quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP về việc sử dụng từ ngữ “ <i>nhân sự</i> ”, “ <i>nhân lực</i> ”.	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh “ <i>nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ số</i> ” thành “ <i>nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao;</i> ” và “ <i>nhân sự được thuê</i> ” thành “ <i>nhân lực được thuê</i> ”
			g) Tại Điều 6 quy định các điều kiện hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo, tuy nhiên không quy định nguyên tắc áp dụng, cụ thể, các dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng một trong các điều kiện hay phải đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại Điều này để được hỗ trợ? Theo đó, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa để đảm bảo tính rõ ràng.	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh
			h) Tại Điều 12, cân nhắc chỉnh sửa bố cục tại Điều này thành hai khoản, khoản 1 quy định về các trường hợp thu hồi kinh phí hỗ trợ, khoản 2 quy định xử lý vi phạm để đảm bảo tính chặt chẽ. Đồng thời, nội dung tại Điều này nêu: “ <i>doanh nghiệp phải nộp</i> ”	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh

		<i>thêm khoản tiền lãi chậm nộp (tính theo mức lãi suất chậm nộp quy định tại Luật Quản lý thuế...)”, theo đó, lưu ý thuyết minh làm rõ cơ sở pháp lý quy định nội dung này để đảm bảo tính rõ ràng.</i> i) Đối với các mẫu hồ sơ kèm theo dự thảo, đề nghị bố cục thành Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo Mẫu số 26 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	
		2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo văn bản a) Trường hợp xây dựng dự thảo văn bản theo trình tự, thủ tục thông thường; đề nghị Quý Sở thực hiện trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định tại Điều 2, Điều 3, khoản 1 và khoản 3 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). b) Thực hiện việc lấy ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh (cơ quan tham mưu, giúp UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính). Trường hợp xác định dự thảo Nghị quyết có quy định về thủ tục hành chính, đề nghị thực hiện quy trình đánh giá tác động của thủ tục hành chính, tổng hợp kết quả đánh giá vào Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo theo Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ CP. c) Theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình. Vì vậy, sau khi hoàn thành quy trình tổ chức lấy ý kiến của dự thảo, đề nghị Quý Sở gửi hồ sơ xây dựng dự thảo đến Sở Tư pháp để tổ chức thẩm	a) Đã thực hiện theo trình tự, thủ tục thông thường b) Đã thực hiện việc lấy ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh (cơ quan tham mưu, giúp UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính). c) Hồ sơ : - Tờ trình; - Dự thảo nghị quyết; - Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản - Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; - Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp (nếu có);

			định. Thành phần hồ sơ thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	
2.	Sở Tài chính (Công văn số 4927/STC-QLN ngày 22/5/2026)	17	1. Về tên gọi và thời gian thực hiện chính sách Đề nghị bổ sung giai đoạn thực hiện chính sách vào tên gọi, cụ thể: “giai đoạn 2026 - 2030” nhằm nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và định hướng kế hoạch tài chính - ngân sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. 2. Về căn cứ pháp lý Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung đầy đủ các căn cứ pháp lý liên quan đến cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, quản lý ngân sách nhà nước và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương để bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý khi ban hành Nghị quyết; trong đó nghiên cứu bổ sung căn cứ: Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; các văn bản quy định chi tiết về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; các quy định hiện hành về phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách địa phương. Ngoài ra, tại Điều 5 dự thảo có sử dụng tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung căn cứ này vào phần căn cứ ban hành. Đồng thời, đề nghị rà soát kỹ các nội dung được giao cho Hội	Tiếp thu ý, tuy nhiên Luật Công nghiệp công nghệ số quy định các chính sách ưu đãi, phát triển mang tính định hướng lâu dài, không giới hạn hiệu lực theo chu kỳ thời gian; việc không gắn mốc thời gian vào tên gọi nhằm bảo đảm tính ổn định của văn bản quy phạm pháp luật, tránh phát sinh thủ tục hành chính sửa đổi khi hết giai đoạn. Thống nhất tiếp thu và đã bổ sung Luật Hỗ trợ DNVVN Thống nhất tiếp thu và đã bổ sung căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ. Đã rà soát, các nội dung hỗ trợ

		đồng nhân dân cấp tỉnh quy định theo Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm bảo đảm nội dung Nghị quyết không vượt thẩm quyền được giao.	đều theo quy định theo Luật Công nghiệp công nghệ số
		3. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng Đề nghị rà soát, chỉnh sửa Điều 1 và Điều 2 theo hướng gắn với <i>“tổ chức, doanh nghiệp có nội dung đề nghị hỗ trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết và triển khai trên địa bàn tỉnh Gia Lai”</i>; đồng thời bổ sung nguyên tắc thực hiện hỗ trợ phải phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương từng thời kỳ.	Đã có tại Điều 4, quy định về tiêu chí chung
		4. Về nguyên tắc hỗ trợ và cơ chế kiểm soát rủi ro ngân sách 4.1. Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo ghi: <i>“Trường hợp một dự án, doanh nghiệp có nội dung hỗ trợ đáp ứng điều kiện của nhiều chính sách khác nhau do trung ương hoặc tỉnh ban hành thì chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất và có lợi nhất”</i>. Để tránh hiểu rằng doanh nghiệp chỉ được lựa chọn duy nhất một chính sách, kể cả các ưu đãi về thuế, đất đai, hải quan theo pháp luật chuyên ngành; đồng thời tránh lúng túng trong quá trình xác định chính sách “có lợi nhất”, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh theo hướng: - Trường hợp cùng một nội dung chi, hạng mục chi phí của dự án đã được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số hoặc nguồn tài chính công khác thì không tiếp tục được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh theo Nghị quyết này. Trường hợp cùng một nội dung chi phí đáp ứng điều kiện hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước thì doanh nghiệp chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ. - Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai đầy đủ các chính sách đã và đang đề nghị hỗ trợ; trường hợp kê khai không trung thực thì	4.1. Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh theo hướng góp ý (có điều chỉnh <i>“ngân sách tỉnh”</i> thành <i>“ngân sách địa phương”</i> như góp ý của Sở Tư pháp). 4.2. Thống nhất và đã bổ sung thêm quy định: <i>“Mức hỗ trợ cụ thể được thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hằng năm.”</i> vào cuối khoản 2 Điều 3. 4.3. Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh.

		bị thu hồi kinh phí hỗ trợ theo quy định. 4.2. Tại khoản 2 Điều 3, cơ bản thống nhất với nguyên tắc hỗ trợ sau đầu tư vì phù hợp nguyên tắc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và hạn chế rủi ro thất thoát ngân sách. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm quy định: <i>“Mức hỗ trợ cụ thể được thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hằng năm.”</i>. 4.3. Tại khoản 3 Điều 3, dự thảo ghi: <i>“Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ có thể thực hiện một lần khi dự án hoàn thành toàn bộ hoặc giải ngân nhiều lần theo tiến độ hoàn thành của từng gói thầu, hạng mục độc lập nhưng tổng số tiền giải ngân không được vượt quá mức trần tối đa quy định tại Nghị quyết này”</i>. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh theo hướng: <i>“Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ có thể thực hiện một lần khi dự án hoàn thành toàn bộ hoặc giải ngân nhiều lần theo tiến độ hoàn thành của từng gói thầu, hạng mục độc lập hoặc sau khi nội dung, hạng mục đề nghị hỗ trợ đã hoàn thành, được nghiệm thu, có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp; tổng số kinh phí hỗ trợ không vượt quá mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị quyết này.”</i> Lý do: Không phải mọi dự án của doanh nghiệp đều tổ chức theo “gói thầu”, nhất là đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước.	
		5. Về tiêu chí và điều kiện hỗ trợ 5.1. Điều 4. Tiêu chí chung đối với mọi dự án Nội dung Điều 4 dự thảo đang trình bày các tiêu chí chung dưới dạng đoạn văn, chưa đánh số khoản. Đồng thời, sử dụng một số từ ngữ mang tính định lượng, có thể gây khó khăn khi triển khai, và ảnh hưởng trách nhiệm, chất lượng thẩm định chính sách như: <i>“phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định”</i>, <i>“Doanh nghiệp phải</i>	5.1. Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh. 5.2. Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh. 5.3. Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh theo ý kiến của Sở

		<i>chứng minh</i>”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh theo hướng: - Dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh, phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành liên quan; được thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy theo đúng tiến độ dự án và quy định của pháp luật chuyên ngành tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ. Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương tại tỉnh Gia Lai. - Doanh nghiệp phải có vốn chủ sở hữu đáp ứng tối thiểu 15% tổng mức đầu tư của dự án (được xác định dựa trên Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán độc lập hoặc văn bản xác nhận số dư tiền gửi tại tổ chức tín dụng của doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương); đối với phần vốn còn lại, doanh nghiệp phải có Hợp đồng tín dụng, văn bản cam kết cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hợp pháp hoặc văn bản pháp lý chứng minh nguồn vốn hợp pháp khác của chủ đầu tư. - Không trong tình trạng nợ đọng tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; không nợ đóng bảo hiểm xã hội (văn bản xác nhận không nợ thuế, không nợ bảo hiểm xã hội tại thời điểm đề nghị hỗ trợ); không đang trong quá trình giải thể, phá sản hoặc bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án tại thời điểm đề nghị hỗ trợ. 5.2. Điều 5. Điều kiện hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số Tại khoản 3 dự thảo ghi: “<i>Đối với chuyên gia bán dẫn: Có hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác với chuyên gia, giảng viên quốc tế.</i>”	Tài chính 5.4. Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh.
--	--	--	--

		Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh theo hướng: “Đối với nội dung mời chuyên gia, giảng viên quốc tế đào tạo nhân lực bán dẫn: có hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác hợp pháp; có chương trình, kế hoạch đào tạo; có kết quả đào tạo, biên bản nghiệm thu hoặc tài liệu chứng minh việc hoàn thành nội dung đào tạo; có chứng từ thanh toán hợp pháp theo quy định.” 5.3. Điều 6. Điều kiện hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số - Tại khoản 2 dự thảo ghi: “Dự án được Hội đồng thẩm định đánh giá là khả thi và có tính đổi mới sáng tạo.” Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh theo hướng chuyển nội dung này thành tiêu chí thẩm định, không đặt là điều kiện ban đầu trước khi nộp hồ sơ hoặc xem xét, sửa theo hướng: “Dự án có thuyết minh thể hiện mục tiêu, sản phẩm hoặc dịch vụ công nghệ số, yếu tố đổi mới sáng tạo, phương án triển khai, nhu cầu kinh phí, kết quả dự kiến và khả năng ứng dụng, thương mại hóa; việc đánh giá tính khả thi và tính đổi mới sáng tạo do Hội đồng thẩm định xem xét trong quá trình thẩm định hồ sơ.” - Tại khoản 4 dự thảo quy định doanh nghiệp duy trì hoạt động tại Gia Lai tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ, trong khi Điều 12 và mẫu cam kết quy định mốc 05 năm. Đề nghị rà soát thống nhất các mốc thời gian.	
		6. Về nội dung và mức hỗ trợ 6.1. Điều 7. Mức hỗ trợ đối với phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số - Tại khoản 1 dự thảo ghi: “Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Hỗ trợ 50% chi phí trả lương cho nhân lực công nghệ số chất lượng cao trong 12 tháng nhưng không quá 70 triệu đồng/người/tháng và không quá	6.1. Đã bổ sung khoản 3 “Tổng mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án theo Điều này không quá 4.020 triệu đồng/dự án.” - Đối với nội dung hỗ trợ mức đề xuất hỗ trợ “không quá 70 triệu

		<i>03 người/dự án (gồm lương, thưởng, điều kiện làm việc, chế độ phúc lợi xã hội)”. + Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh theo hướng: “Hỗ trợ 50% chi phí tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động và chứng từ thanh toán hợp pháp đối với nhân lực công nghệ công nghệ số chất lượng cao trong thời gian tối đa 12 tháng, nhưng không quá 70 triệu đồng/người/tháng và không quá 03 người/dự án; không hỗ trợ tiền thưởng, phúc lợi, chi phí điều kiện làm việc, trang thiết bị làm việc và các khoản chi không phải là tiền lương, tiền công.”</i> Lý do: đảm bảo cơ sở khi thẩm tra hồ sơ, đưa các nội dung về điều kiện làm việc, chế độ phúc lợi xã hội sẽ không phụ hợp với tính chất hỗ trợ chi phí trả lương cho nhân lực công nghệ số chất lượng cao. + Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát mức đề xuất hỗ trợ “không quá 70 triệu đồng/người/tháng và không quá 03 người/dự án” theo khả năng ngân sách thực hiện sau khi dự kiến nhu cầu chi ngân sách trong năm; đồng thời rà soát nhằm đảm bảo tính chất tương tự đối với các chính sách phát triển nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đã ban hành và đang trình phê duyệt (như Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ có yếu tố hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai). + Đề nghị rà soát kỹ tính phù hợp và cơ sở pháp lý của nội dung hỗ trợ trực tiếp chi phí tiền lương, thưởng, phúc lợi xã hội cho người lao động vì đây là khoản chi thường xuyên của doanh nghiệp, tiềm ẩn rủi ro trong quá trình thanh tra, kiểm toán ngân sách nhà nước. Đồng thời, bổ sung yêu cầu doanh nghiệp phải có hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội, kê khai thuế thu nhập cá nhân và chứng từ thanh toán hợp pháp.	<i>đồng/người/tháng”, đề nghị giữ nguyên, vì đã tham khảo một số tỉnh khác, mức hỗ trợ của tỉnh Gia Lai đã thấp hơn (ví dụ, tỉnh Tuyên Quang hỗ trợ 80 triệu đồng).</i> - Đã bổ sung nội dung, thời gian đào tạo. 6.2. - Tại khoản 4, đã tiếp thu, chỉnh sửa. - Đối với các hồ sơ chứng minh hỗ trợ, đã đề nghị doanh nghiệp cung cấp tại phần III của Phụ lục II (gồm Hợp đồng, hóa đơn). - Đã bổ sung khoản 5 “<i>Tổng mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án theo Điều này không quá 290 triệu đồng/dự án.</i>”
--	--	---	---

		- Tại khoản 2, đề nghị bổ sung quy định cụ thể về: Nội dung đào tạo; Thời gian đào tạo; Chứng chỉ/chứng nhận đào tạo; Hồ sơ chứng minh lao động được đào tạo và làm việc thực tế tại doanh nghiệp. - Tại khoản 3, đề nghị bổ sung quy định: <i>“Tổng mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án theo Điều này không quá 4.020 triệu đồng/dự án.”</i> Lý do: Tổng mức hỗ trợ theo Điều 7 gồm chi phí thuê nhân lực chất lượng cao tối đa 2.520 triệu đồng, chi phí đào tạo lao động tối đa 500 triệu đồng và chi phí mời chuyên gia, giảng viên quốc tế tối đa 1.000 triệu đồng. Việc bổ sung tổng trần giúp kiểm soát nghĩa vụ chi ngân sách và thống nhất với mẫu biểu. 6.2. Điều 8. Mức hỗ trợ đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số - Tại khoản 4, đề nghị bổ sung điều kiện: Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp; Có căn cứ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp; Không áp dụng đối với các phần mềm phổ thông thông dụng trên thị trường. - Tại khoản 5, đề nghị bổ sung quy định: <i>“Tổng mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án theo Điều này không quá 290 triệu đồng/dự án.”</i> - Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung làm rõ hồ sơ chứng minh đối với từng nội dung như khóa đào tạo ngắn hạn phải có kế hoạch, danh sách học viên, tài liệu, kết quả/biên bản nghiệm thu; R&D và sản xuất thử nghiệm phải có thuyết minh, sản phẩm mẫu/mẫu thử, chứng từ chi phí trực tiếp; tư vấn khởi nghiệp phải có hợp đồng, sản phẩm tư vấn, biên bản nghiệm thu; mua công nghệ, bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, bằng sáng chế phải có hồ sơ pháp lý quyền sở hữu/quyền sử dụng, hóa đơn, chứng từ thanh toán và tài liệu bàn giao.	
--	--	--	--

			Lý do: Điều 8 quy định nhiều nội dung chỉ có tính chất khác nhau, nếu không quy định điều kiện chứng từ tối thiểu sẽ khó kiểm soát thanh toán, quyết toán và hậu kiểm	
		7. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục - Điều 9 và 10 đang trình bày các tiêu chí chung dưới dạng đoạn văn, chưa đánh số khoản. - Tại Điều 9, đề nghị rà soát lại quy định yêu cầu “<i>Báo cáo kiểm toán độc lập về chi phí đầu tư</i>” đối với tất cả các dự án vì có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy mô nhỏ. Đồng thời, nghiên cứu phân loại theo quy mô dự án để quy định hồ sơ phù hợp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm công tác quản lý ngân sách. - Tại Điều 10, dự thảo quy định Hội đồng thẩm định “<i>chốt chính xác số tiền đủ điều kiện hỗ trợ</i>”. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa thành: “<i>Hội đồng thẩm định lập Biên bản thẩm định, trong đó xác định nội dung đủ điều kiện hỗ trợ, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ, cơ sở xác định kinh phí.</i>” Đồng thời, về trách nhiệm thẩm định, đề nghị như sau: Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì thẩm định đối tượng, điều kiện chuyên ngành, tiêu chí kỹ thuật, sản phẩm/kết quả thực hiện; Sở Tài chính tham gia ý kiến về nguồn kinh phí, khả năng cân đối ngân sách, nguyên tắc xác định mức hỗ trợ theo quy định Nghị quyết.	- Tiếp thu, đã đánh số các khoản. - Tại Điều 9, đối với quy định yêu cầu “<i>Báo cáo kiểm toán độc lập về chi phí đầu tư</i>” vẫn giữ nguyên vì trong dự thảo đã phân loại các dự án là dự án công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo. - Đã chỉnh sửa Điều 10. - Đối với nội dung trách nhiệm thẩm định, đã có lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính. Do vậy, hội đồng sẽ phân công nội dung thẩm định.	
		8. Về tổ chức thực hiện và chế tài xử lý vi phạm 8.1. Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước Dự thảo quy định về trách nhiệm của Sở Tài chính: “<i>Căn cứ Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính có</i>	- Đã chỉnh sửa Điều 11. - Đối với góp ý Điều 12, đã bổ sung trách nhiệm của Sở KH&CN trong xử lý, thu hồi.	

		<i>trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh để cấp phát kinh phí. Hướng dẫn các thủ tục hoạch toán, thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ theo Luật Ngân sách nhà nước”.</i> Đề nghị bổ sung, điều chỉnh thành: “<i>Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước</i>” 8.2. Điều 12. Thu hồi kinh phí hỗ trợ và xử lý vi phạm - Việc viện dẫn “<i>lãi suất chậm nộp theo pháp luật quản lý thuế</i>” cần lấy ý kiến Sở Tư pháp để bảo đảm phù hợp quy định pháp luật vì bản chất đây không phải khoản nợ thuế, tiền thuế hay nghĩa vụ tài chính đất đai thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế. - Toàn bộ Điều 12 mới chỉ quy định “<i>doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn trả</i>” nhưng chưa quy định cơ quan chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi và ban hành quyết định cưỡng chế trong trường hợp doanh nghiệp chây ì, không hoàn trả. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét theo hướng Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi, kiểm tra, kiến nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi kinh phí. Trường hợp doanh nghiệp không chấp hành, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu UBND tỉnh thực hiện các biện pháp cưỡng chế thu hồi theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật dân sự.	
		9. Về lập dự toán, cấp phát, thanh toán, quyết toán và ước tính nhu cầu ngân sách - Dự thảo Nghị quyết chưa có điều khoản riêng quy định về	- Đối với nguồn kinh phí, quy trình lập dự toán, phân bổ, thanh toán, quyết toán...Đã bổ sung

		nguồn kinh phí thực hiện; quy trình lập dự toán, phân bổ, thanh toán qua Kho bạc Nhà nước và quyết toán cuối năm. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung theo hướng: + Nguồn kinh phí thực hiện: ngân sách tỉnh. + Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành. - Hồ sơ dự thảo hiện còn thiếu nội dung đánh giá tác động ngân sách theo hướng định lượng: chưa dự kiến số lượng dự án thụ hưởng theo từng năm, chưa xác định nhu cầu kinh phí hằng năm, chưa phân loại nguồn chi đầu tư phát triển/chi thường xuyên và chưa làm rõ khả năng cân đối ngân sách tỉnh. - Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung bảng đánh giá tác động tài chính gồm: số lượng dự án dự kiến thụ hưởng theo từng năm, mức hỗ trợ bình quân/tối đa, tổng nhu cầu kinh phí từng năm giai đoạn 2026 - 2030, phân loại chi đầu tư phát triển/chi thường xuyên, nguồn bảo đảm và khả năng cân đối ngân sách tỉnh.	Điều 11 vào Chương IV. - Đã bổ sung BẢNG ƯỚC TÍNH NHU CẦU NGÂN SÁCH HỖ TRỢ DỰ KIẾN bao gồm mức hỗ trợ bình quân/tối đa, tổng nhu cầu kinh phí từng năm giai đoạn 2026 - 2030, phân loại chi đầu tư phát triển/chi thường xuyên, nguồn bảo đảm và khả năng cân đối ngân sách tỉnh.
		10. Về các biểu mẫu kèm theo Đề nghị rà soát, chỉnh sửa các biểu mẫu bảo đảm thống nhất với nội dung Nghị quyết; đồng thời, về nguyên tắc mẫu biểu kèm theo nhằm hướng dẫn thủ tục hành chính, không được đặt thêm điều kiện, nghĩa vụ hoặc chế tài mới ngoài nội dung được quy định trong Nghị quyết; nếu không sẽ phát sinh rủi ro khi tiếp nhận, thẩm định, giải quyết thủ tục hành chính và xử lý thu hồi kinh phí. Vì vậy, đề nghị rà soát như sau: - Tại Mẫu số 01, Mục III, dự thảo ghi tổng mức đề nghị hỗ trợ tối đa không quá 2.520 triệu đồng đối với dự án nhóm 1. Đề nghị sửa thành “<i>tối đa không quá 4.020 triệu đồng</i>” để cộng đủ 03 nội dung hỗ trợ tại Điều 7.	- Đã sửa Mẫu số 01 - Mẫu số 02 và 03 đã bỏ các điều kiện không được quy định trong dự thảo Nghị quyết và bổ sung, điều chỉnh các điều kiện khác phù hợp hơn.

			- Tại Mẫu số 02, nếu có các điều kiện về quy mô vốn đầu tư tối thiểu, số lượng lao động địa phương tối thiểu hoặc điều kiện khác nhưng các điều kiện này không được quy định tại Chương II của dự thảo Nghị quyết thì đề nghị rà soát lại. Trường hợp xác định là điều kiện bắt buộc, phải bổ sung trực tiếp vào Điều 4, Điều 5 hoặc Điều 6 và thuyết minh rõ cơ sở xác định, tác động ngân sách, tác động đến đối tượng thụ hưởng. - Tại Mẫu số 03, đề nghị rà soát lại các nội dung cam kết không thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và điều kiện hỗ trợ của Nghị quyết như cam kết về chứng nhận TIER III, duy trì 50 lao động kỹ thuật cao đối với dự án chuỗi cung ứng nếu các nội dung này không được quy định trong phần điều khoản chính.	
		11. Đối với hồ sơ kèm theo - Đối với Bản so sánh - thuyết minh: đề nghị bổ sung thuyết minh cụ thể cơ sở xác định từng mức hỗ trợ, tổng trần hỗ trợ theo dự án, dự kiến số lượng đối tượng thụ hưởng và tác động ngân sách. Nội dung thuyết minh hiện mới nêu sự cần thiết và định hướng chung, chưa đủ cơ sở để đánh giá mức độ phù hợp của từng mức chi đối với khả năng cân đối ngân sách tỉnh. - Đối với Báo cáo đánh giá thực trạng: đề nghị bổ sung số liệu thực trạng của tỉnh Gia Lai về số lượng doanh nghiệp công nghệ số, dự án khởi nghiệp sáng tạo, nhu cầu nhân lực công nghệ số, khả năng thu hút chuyên gia, dự kiến số hồ sơ phát sinh hằng năm. Các số liệu này là cơ sở để xác định quy mô chính sách, tổng nhu cầu kinh phí và tính khả thi khi tổ chức thực hiện. - Đối với Bản đánh giá thủ tục hành chính: đề nghị chỉnh lại vai trò của Sở Tài chính. Sở Tài chính chỉ tham gia ý kiến theo chức năng quản lý tài chính - ngân sách, gồm nguồn kinh phí, khả năng cân đối, nguyên tắc xác định mức hỗ trợ, hồ sơ kinh phí và chế độ	- Đã bổ sung vào bản so sánh – thuyết minh. - Đã bổ sung vào báo cáo đánh giá thực trạng số liệu thực trạng của tỉnh Gia Lai về số lượng doanh nghiệp công nghệ số, dự án khởi nghiệp sáng tạo, nhu cầu nhân lực công nghệ số, khả năng thu hút chuyên gia, dự kiến số hồ sơ phát sinh hằng năm, dự kiến số lượng đối tượng thụ hưởng và tác động dự kiến đối với ngân sách tỉnh. - Trong bản đánh giá thủ tục hành chính, đề nghị giữ nguyên vai trò của Sở Tài chính trong việc thẩm định các nội dung liên quan đến tài chính. Vì tại khoản	

			quản lý, thanh toán, quyết toán.	2, Điều 10 của Nghị quyết quy định thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: “ <i>Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ làm Chủ tịch Hội đồng; Lãnh đạo Sở Tài chính làm Phó Chủ tịch; các thành viên gồm đại diện Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi dự án triển khai và các chuyên gia độc lập</i> ”
3	Văn phòng UBND tỉnh (Công văn số 1066/VPUBND-PVHCC ngày 05/6/2026)	04	1. Căn cứ Thông tư 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹ và khoản 3 Điều 5 Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ², đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá tác động, tính toán chi phí tuân thủ đối với thủ tục hành chính trong dự thảo Quyết định thể hiện đầy đủ nội dung theo Biểu mẫu số 01/ĐGTD-BHM, Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM, gửi hồ sơ về Văn phòng UBND tỉnh thẩm định theo quy định. 2. Để đảm bảo các TTHC được quy định tại dự thảo Quyết định phù hợp với quy định về Chính phủ số và tái sử dụng dữ liệu, Sở Khoa học và Công nghệ cần lưu ý thực hiện các nội dung sau: (i) Thực hiện mẫu hóa các đơn, tờ khai thành phần hồ sơ để tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi kê khai thông tin. Trong đó, tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại các trường thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, CSDL chuyên ngành đã được kết nối, chia sẻ hoặc đã được các Bộ,	Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiến hành hoàn tất các thủ tục thẩm định theo quy định. -Ngoài ra tại Điều 9 sẽ điều chỉnh, bổ sung như sau: “Điều 9. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ Tổ chức, doanh nghiệp lập 01 bộ hồ sơ gốc (bản giấy hoặc bản điện tử) nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công. Hồ sơ bao gồm: 1. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí (theo mẫu 01 kèm theo Nghị quyết này).

¹ Theo đó, việc thực hiện Đánh giá tác động đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo Văn bản quy phạm pháp luật đã được UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

² Khoản 3 Điều 5 Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định: *Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá tác động của thủ tục hành chính nếu giải pháp thực hiện chính sách có thủ tục hành chính; dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính. Việc đánh giá tác động thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.*

			ngành công bố theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP. (ii) Xác định cụ thể các thành phần hồ sơ cần thực hiện ký số khi nộp hồ sơ trực tuyến, đảm bảo tuân thủ quy định về cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại Điều 32 Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026). Việc này nhằm hướng tới mục tiêu các dịch vụ công được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số, từ khâu tiếp nhận đến trả kết quả. (iii) Đối với các thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực các giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;...” nghiên cứu không quy định hoặc thay thế bằng dữ liệu đã được các Bộ, ngành Trung ương công bố phạm vi thông tin trong CSDL được khai thác thay thế giấy tờ; đồng thời, chủ động khai thác, tái sử dụng dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tổ chức, cá nhân không phải nộp lại thành phần hồ sơ này.	2. Bản Thuyết minh chi tiết dự án đáp ứng các tiêu chí, điều kiện hỗ trợ quy định tại Chương II của Nghị quyết này (theo mẫu số 02 của Nghị quyết này). 3. Bản sao có chứng thực các giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép xây dựng, Đánh giá tác động môi trường. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính chủ động khai thác, tái sử dụng dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tổ chức, cá nhân không phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được các Bộ, ngành Trung ương công bố. 4. Hồ sơ minh chứng khối lượng hoàn thành: Báo cáo kiểm toán độc lập về chi phí đầu tư (đối với các dự án công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí
--	--	--	---	---

				tuệ nhân tạo); các hợp đồng kinh tế, hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản nghiệm thu khối lượng, chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với các hạng mục đề nghị hỗ trợ. 5. Các văn bản cam kết về trách nhiệm đào tạo lao động, duy trì hoạt động và cam kết tính trung thực của hồ sơ (theo mẫu số 03 của Nghị quyết này). 6. Yêu cầu đối với hồ sơ nộp trực tuyến: a) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều này được thực hiện mẫu hóa điện tử; tổ chức, cá nhân không cung cấp lại các trường thông tin, dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được kết nối, chia sẻ. b) Các thành phần hồ sơ nộp trực tuyến phải thực hiện ký số bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp nhằm bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định tại Điều 32 Luật Chuyển đổi số số
--	--	--	--	---

				148/2025/QH15. - Điều chỉnh, bổ sung Khoản 4, Điều 10 như sau: “Phê duyệt Quyết định hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định và Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho dự án. (Thẩm quyền này không được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn). Kết quả giải quyết (Quyết định hỗ trợ) phải được thực hiện ký số và trả bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công đối với hồ sơ nộp trực tuyến, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định tại Điều 32 Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15.” - Bổ sung, điều chỉnh các mẫu phụ lục 01, 02, 03 và 04.
--	--	--	--	--